

|                                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                                                        |
|-----------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------|
|                                               | <p>SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU<br/>DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT<br/>OF BARIA-VUNGTAU PROVINCE<br/>TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG<br/>CENTER FOR ENVIRONMENTAL MONITORING AND RESOURCES<br/>28B Thị Sách, P.Thắng Tam, TP. Vũng Tàu - Tel: 024.3523394 - Fax: 0254.3852413<br/>Website: quantracmoitruongvungtau.com.vn<br/>Email: quantracmoitruongvungtau@gmail.com</p> |                                                        |
| <p><b>B23.459/TTQT</b><br/><b>B23.292</b></p> | <p><b>KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM</b><br/><b>TEST REPORT</b></p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | <p>Ngày (Date): 21/09/2023<br/>Trang (Page): 01/01</p> |

1. Tên mẫu : (Lấy mẫu lúc 14h30) Nước thải sản xuất sau hệ thống xử lý của Công ty CP Xuất nhập khẩu Côn Đảo. Tọa độ X: 1155650; Y: 436748.  
Sample Name
2. Ngày nhận mẫu : 13/09/2023.  
Date of receive sample
3. Khách hàng : Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Côn Đảo.  
Customer
4. Kết quả thử nghiệm :  
Test result

| Tên chỉ tiêu<br>Name of analysis norm                  |           | Phương pháp thử<br>Test method | Kết quả thử nghiệm<br>Test result |
|--------------------------------------------------------|-----------|--------------------------------|-----------------------------------|
| 1. T - Coliform                                        | MPN/100ml | TCVN 6187-2:2020               | 4                                 |
| 2. Tổng Nitơ (T-N)*                                    | mg/l      | TCVN 6638:2000                 | 26,5                              |
| 3. Tổng phot pho (T-P)*                                | mg/l      | TCVN 6202:2008                 | 0,12                              |
| 4. Dầu mỡ động thực vật*                               | mg/l      | SMEWW 5520B&F: 2023            | KPH (<0,3)                        |
| 5. pH                                                  |           | TCVN 6492:2011                 | 7,6                               |
| 6. Nhiệt độ                                            | °C        | SMEWW 2550B:2023               | 31,6                              |
| 7. Amoni (NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> , tính theo N)* | mg/l      | TCVN 5988:1995                 | 2,35                              |
| 8. BOD <sub>5</sub> (ở 20°C)*                          | mg/l      | TCVN 6001-1:2021               | 15                                |
| 9. Chất rắn lơ lửng (TSS)*                             | mg/l      | TCVN 6625:2000                 | 6,0                               |
| 10. Clo dư                                             | mg/l      | TCVN 6225-3: 2011              | KPH (<0,90)                       |
| 11. COD*                                               | mg/l      | SMEWW 5220.D:2023              | 32                                |

**Ghi chú:** Mẫu do TTQTTN & MT lấy.

( \* ): Chỉ tiêu được BOA công nhận. Số hiệu VILAS 149.

Mẫu được lấy theo HD số 16/TTQTTNMT-DVTV ngày 15/03/2023.

KPH: Không phát hiện.

**TRƯỞNG PHÒNG PHÂN TÍCH**

Nguyễn Thị Lệ Hằng

**GIÁM ĐỐC**



|                                                                                   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                                                                                                                                                                         |
|-----------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|  | <p>SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÀ RIA - VŨNG TÀU<br/>DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT<br/>OF BARIA-VUNGTAU PROVINCE<br/>TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG<br/>CENTER FOR ENVIRONMENTAL MONITORING AND RESOURCES<br/>28B Thi Sách, P.Thắng Tam, TP. Vũng Tàu - Tel: 024.3523394 - Fax: 0254.3852413<br/>Website: quantracmoitruongvungtau.com.vn<br/>Email: quantracmoitruongvungtau@gmail.com</p> |   |
| <p><b>B23.460/TTQT</b><br/><b>B23.293</b></p>                                     | <p><b>KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM</b><br/><b>TEST REPORT</b></p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | <p>Ngày (Date): 21/09/2023<br/>Trang (Page): 01/01</p>                                                                                                                  |

1. Tên mẫu : (Lấy mẫu lúc 14h00) Nước mặt (vị trí 1). Tọa độ X: 1155721; Y: 436844.  
Sample Name
2. Ngày nhận mẫu : 13/09/2023.  
Date of receive sample
3. Khách hàng : Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Côn Đảo.  
Customer
4. Kết quả thử nghiệm :  
Test result

| Tên chỉ tiêu<br>Name of analysis norm       |           | Phương pháp thử<br>Test method | Kết quả thử nghiệm<br>Test result |
|---------------------------------------------|-----------|--------------------------------|-----------------------------------|
| 1. Nhiệt độ                                 | °C        | SMEWW 2550B:2023               | 31,8                              |
| 2. pH                                       |           | TCVN 6492:2011                 | 8,3                               |
| 3. Chất rắn lơ lửng (TSS)*                  | mg/l      | TCVN 6625:2000                 | 19                                |
| 4. Nitrat ( $\text{NO}_3^-$ , tính theo N)* | mg/l      | TCVN 6494-1: 2011              | 2,3                               |
| 5. Nitrit ( $\text{NO}_2^-$ , tính theo N)* | mg/l      | TCVN 6494-1:2011               | KPH (<0,020)                      |
| 6. Oxi hòa tan (DO)                         | mg/l      | TCVN 12026:2018                | 6,8                               |
| 7. Clorua ( $\text{Cl}^-$ )*                | mg/l      | TCVN 6194:1996                 | 4061                              |
| 8. BOD <sub>5</sub> (ở 20°C)*               | mg/l      | TCVN 6001-1:2021               | 27                                |
| 9. Amoni ( $\text{NH}_4^+$ , tính theo N)*  | mg/l      | TCVN 6179-1 :1996              | 0,67                              |
| 10. Tổng dầu, mỡ*                           | mg/l      | SMEWW 5520B:2023               | KPH (<0,3)                        |
| 11. COD*                                    | mg/l      | SMEWW 5220.C:2023              | 45                                |
| 12. T - Coliform                            | MPN/100ml | TCVN 6187-2:2020               | $23 \times 10^3$                  |

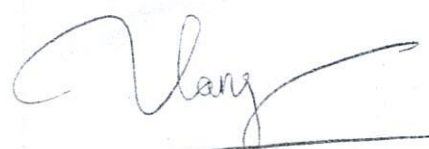
**Ghi chú:** Mẫu do TTQTTN & MT lấy.

( \* ): Chỉ tiêu được BOA công nhận. Số hiệu VILAS 149.

Mẫu được lấy theo HD số 16/TTQTTNMT-DVTV ngày 15/03/2023.

KPH: Không phát hiện.

**TRƯỞNG PHÒNG PHÂN TÍCH**

  
Nguyễn Thị Lệ Hằng

**GIÁM ĐỐC**

  
Lê Tuấn Kiệt



|                                                                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                                                                                                                                                                         |
|----------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|  | <p>SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU<br/>DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT<br/>OF BARIA-VUNGTAU PROVINCE<br/>TRUNG TÂM QUAN TRÁC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG<br/>CENTER FOR ENVIRONMENTAL MONITORING AND RESOURCES<br/>28B Thị Sách, P.Thắng Tam, TP. Vũng Tàu - Tel: 024.3523394 - Fax: 0254.3852413<br/>Website: quantracmoitruongvungtau.com.vn<br/>Email: quantracmoitruongvungtau@gmail.com</p> |   |
| <p><b>B23.461/TTQT</b><br/><b>B23.294</b></p>                                    | <p align="center"><b>KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM</b><br/><b>TEST REPORT</b></p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | <p>Ngày (Date): 21/09/2023<br/>Trang (Page): 01/01</p>                                                                                                                  |

1. Tên mẫu : (Lấy mẫu lúc 14h10) Nước mặt (vị trí 2). Tọa độ X: 1155630; Y: 436724.  
Sample Name
2. Ngày nhận mẫu : 13/09/2023.  
Date of receive sample
3. Khách hàng : Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Côn Đảo.  
Customer
4. Kết quả thử nghiệm :  
Test result

| Tên chỉ tiêu<br>Name of analysis norm                    |           | Phương pháp thử<br>Test method | Kết quả thử nghiệm<br>Test result |
|----------------------------------------------------------|-----------|--------------------------------|-----------------------------------|
| 1. Nhiệt độ                                              | °C        | SMEWW 2550B:2023               | 31,4                              |
| 2. pH                                                    |           | TCVN 6492:2011                 | 8,3                               |
| 3. Chất rắn lơ lửng (TSS)*                               | mg/l      | TCVN 6625:2000                 | 20                                |
| 4. Nitrit (NO <sub>2</sub> <sup>-</sup> , tính theo N)*  | mg/l      | TCVN 6494-1:2011               | KPH (<0,020)                      |
| 5. Oxi hòa tan (DO)                                      | mg/l      | TCVN 12026:2018                | 7,1                               |
| 6. Clorua (Cl <sup>-</sup> )*                            | mg/l      | TCVN 6194:1996                 | 3957                              |
| 7. Amoni (NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> , tính theo N)*   | mg/l      | TCVN 6179-1 :1996              | 0,60                              |
| 8. Tổng dầu, mỡ*                                         | mg/l      | SMEWW 5520B:2023               | KPH (<0,3)                        |
| 9. COD*                                                  | mg/l      | SMEWW 5220.C:2023              | 50                                |
| 10. T - Coliform                                         | MPN/100ml | TCVN 6187-2:2020               | 24 x 10 <sup>3</sup>              |
| 11. BOD <sub>5</sub> (ở 20°C)*                           | mg/l      | TCVN 6001-1:2021               | 31                                |
| 12. Nitrat (NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> , tính theo N)* | mg/l      | TCVN 6494-1: 2011              | 2,3                               |

**Ghi chú:** Mẫu do TTQTTN & MT lấy.

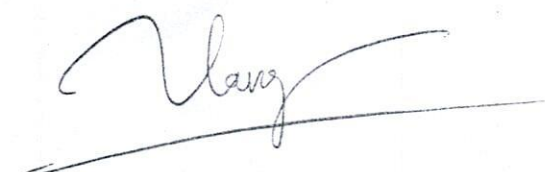
( \* ): Chỉ tiêu được BOA công nhận. Số hiệu VILAS 149.

Mẫu được lấy theo HD số 16/TTQTTNMT-DVTV ngày 15/03/2023.

KPH: Không phát hiện.

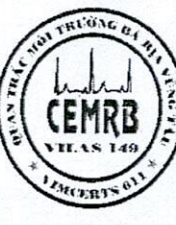
**TRƯỞNG PHÒNG PHÂN TÍCH**

**GIÁM ĐỐC**

  
Nguyễn Thị Lệ Hằng

  
  
Lê Tuấn Kiệt



|                                                                                   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |                                                                                     |                                                                                     |
|-----------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|
|  | <p>SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU<br/>DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT<br/>OF BARIA-VUNGTAU PROVINCE</p> <p>TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG<br/>CENTER OF ENVIRONMENTAL MONITORING AND RESOURCES<br/>28B Thị Sách, P.Thắng Tam, TP.Vũng Tàu - Tel: 0254.3523394 - Fax: 0254.3852413<br/>Website: quantracmoitruongvungtau.com<br/>Email: quantracmoitruongvungtau@gmail.com</p> |  |  |
|-----------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|

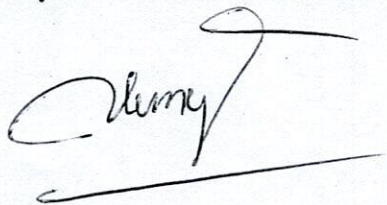
|                                                |                                                                                           |                                          |
|------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------|
| <p><b>B23.462/TTQT</b><br/><b>A23.0184</b></p> | <p><b>PHIẾU KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG</b><br/><b>ENVIRONMENT MONITORING REPORT</b></p> | <p>Ngày: 25/09/2023<br/>Trang: 01/01</p> |
|------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------|

|                                                     |                                                                                                                                       |
|-----------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <p>1. Vị trí đo<br/><i>Measurement Location</i></p> | <p>: Khí thải lò hơi của Công ty Cổ phần thủy sản &amp; Xuất nhập khẩu Côn Đảo. Vị trí lấy mẫu có tọa độ X = 1155316, Y = 436746.</p> |
| <p>2. Ngày đo<br/><i>Date of measurement</i></p>    | <p>: 13/09/2023</p>                                                                                                                   |
| <p>3. Khách hàng<br/><i>Customer</i></p>            | <p>: Công ty Cổ phần thủy sản &amp; Xuất nhập khẩu Côn Đảo.</p>                                                                       |
| <p>4. Kết quả đo<br/><i>Measurement result</i></p>  | <p>:</p>                                                                                                                              |

| Tên chỉ tiêu<br><i>Name of measurement norm</i>      | Thiết bị đo/Phương pháp<br><i>Methods/Equipment for measurement</i> | Kết quả<br><i>Result</i> |
|------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|--------------------------|
| 1. Bụi tổng                      mg/Nm <sup>3</sup>  | US EPA Method 05                                                    | <1,0                     |
| 2. Khí SO <sub>2</sub> mg/Nm <sup>3</sup>            | SOP-PQT-KT01                                                        | <2,6                     |
| 3. Khí NO <sub>x</sub> mg/Nm <sup>3</sup>            | SOP-PQT-KT01                                                        | <1,9                     |
| 4. Khí CO                         mg/Nm <sup>3</sup> | SOP-PQT-KT01                                                        | 15,9                     |
| 5. Lưu lượng                      m <sup>3</sup> /h  | SOP-PQT-KT06                                                        | 859,6                    |

**\*Ghi chú:**  
- Mẫu do Trung tâm Quan trắc TN&MT lấy theo Hợp đồng số 16/TTQTTNMT-DVTV ngày 15/03/2023.

**TRƯỞNG PHÒNG**  
**DỊCH VỤ TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG**



**Nguyễn Thị Hằng**

**GIÁM ĐỐC**  
**PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Nguyễn Xuân Sơn**